

Số: /QĐ-UBND-HC      Đồng Tháp, ngày      tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức,  
danh mục vị trí việc làm của Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của  
Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền  
hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ;*

*Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2007/TTr-SNV ngày 25 tháng  
8 năm 2022 và Đề án số 351/ĐA-SNV ngày 16 tháng 02 năm 2023 về vị trí việc  
làm và cơ cấu ngạch công chức, danh mục vị trí việc làm của Sở Nội vụ tỉnh  
Đồng Tháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án số 351/ĐA-SNV ngày 16 tháng 02 năm 2023 của  
Sở Nội vụ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, danh mục vị trí việc  
làm của Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp (đính kèm Đề án), cụ thể:

1. Tổng số vị trí việc làm: 31 vị trí, trong đó:
  - a) Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành: 06 vị trí;
  - b) Nhóm nghiệp vụ chuyên ngành: 12 vị trí;
  - c) Nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 10 vị trí;
  - d) Nhóm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.
2. Danh mục vị trí việc làm:

| Số TT      | Tên vị trí việc làm                     | Ngạch công chức tối thiểu | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------------|---------------------------|---------|
| <b>I</b>   | <b>Nhóm lãnh đạo quản lý, điều hành</b> |                           |         |
| 1          | Giám đốc Sở                             | Chuyên viên chính         |         |
| 2          | Phó Giám đốc Sở                         | Chuyên viên chính         |         |
| 3          | Trưởng phòng thuộc Sở                   | Chuyên viên               |         |
| 4          | Chánh Thanh tra Sở                      | Thanh tra viên            |         |
| 5          | Phó Trưởng phòng thuộc Sở               | Chuyên viên               |         |
| 6          | Phó Chánh Thanh tra Sở                  | Thanh tra viên            |         |
| <b>II</b>  | <b>Nhóm nghiệp vụ, chuyên ngành</b>     |                           |         |
| 1          | Quản lý văn thư lưu trữ                 | Chuyên viên               |         |
| 2          | Quản lý tổ chức - biên chế              | Chuyên viên               |         |
| 3          | Quản lý nhân sự và đội ngũ              | Chuyên viên               |         |
| 4          | Quản lý đào tạo, bồi dưỡng              | Chuyên viên               |         |
| 5          | Quản lý hội và tổ chức phi chính phủ    | Chuyên viên               |         |
| 6          | Cải cách hành chính                     | Chuyên viên               |         |
| 7          | Quản lý địa giới hành chính             | Chuyên viên               |         |
| 8          | Xây dựng chính quyền                    | Chuyên viên               |         |
| 9          | Quản lý cán bộ, công chức cấp xã        | Chuyên viên               |         |
| 10         | Quản lý công tác thanh niên             | Chuyên viên               |         |
| 11         | Quản lý thi đua khen thưởng             | Chuyên viên               |         |
| 12         | Quản lý tín ngưỡng, tôn giáo            | Chuyên viên               |         |
| <b>III</b> | <b>Nhóm nghiệp vụ chuyên môn</b>        |                           |         |

|           |                                                       |                              |            |
|-----------|-------------------------------------------------------|------------------------------|------------|
|           | <b>dùng chung</b>                                     |                              |            |
| 1         | Thanh tra                                             | Thanh tra viên               |            |
| 2         | Pháp chế                                              | Chuyên viên                  | Kiểm nhiệm |
| 3         | Hành chính tổng hợp (Tổng hợp, hành chính, văn phòng) | Chuyên viên                  |            |
| 4         | Hành chính một cửa                                    | Cán sự                       |            |
| 5         | Quản trị công sở                                      | Cán sự                       |            |
| 6         | Công nghệ thông tin                                   | Chuyên viên hoặc tương đương |            |
| 7         | Kế toán                                               | Kế toán viên trung cấp       |            |
| 8         | Thủ quỹ                                               | Nhân viên hoặc tương đương   | Kiểm nhiệm |
| 9         | Văn thư                                               | Nhân viên hoặc tương đương   |            |
| 10        | Lưu trữ                                               | Nhân viên hoặc tương đương   |            |
| <b>IV</b> | <b>Nhóm hỗ trợ, phục vụ</b>                           |                              |            |
| 1         | Lái xe                                                |                              |            |
| 2         | Bảo vệ                                                |                              |            |
| 3         | Phục vụ                                               |                              |            |

**Điều 2.** Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc bố trí, sắp xếp biên chế thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm được phê duyệt, đảm bảo theo số lượng biên chế hàng năm do Ủy ban nhân dân Tỉnh giao cho đơn vị gắn với lộ trình tinh giản biên chế; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức theo đúng vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, ngạch công chức tối thiểu đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt.

2. Báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, điều chỉnh vị trí việc làm khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức do tổ chức

lại hoặc giải thể theo quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thay đổi theo nhu cầu thực tế, nhằm đảm bảo thực hiện vị trí việc làm kịp thời, hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/TCD-NC (V).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Thiện Nghĩa**